

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DSST

Ngày: 21/9/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng

2. Ông Lê Anh Việt

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST- DS, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/ QĐST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 103, đường C, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957

2. Anh Trần Công Q, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, đơn xin rút một phần khởi kiện ngày 21/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Tuấn A trình bày:

1/ Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị B:

Vào ngày 26/10/2018 bà Nguyễn Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị B vay 100.000.000đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 2.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng. Khi vay tiền thì anh Q là con bà B trực tiếp viết giấy mượn nợ và cam kết thanh toán, bà B là người ký và ghi họ tên. Đến ngày 30/10/2018 bà B mượn

thêm 10.000.000đồng, khi mượn bà B nói sẽ trả ngay nên không làm biên nhận, sau đó thì bà B không trả mà thỏa thuận sẽ trả góp cùng với khoản vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần vay là: 110.000.000 đồng, bà B đã trả góp được 27 ngày với số tiền là 54.000.000 đồng, sau đó không góp nữa.

Tại phiên tòa bà L có đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền vay 10.000.000 đồng vào ngày 30/10/2018 do bà B không thừa nhận khoản vay này. Bà L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền bà B vay 100.000.000 đồng ngày 26/10/2018 và yêu cầu trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng, tính lãi từ ngày 26/12/2018 đến ngày 21/9/2020 là: 20 tháng 26 ngày.

Số tiền lãi là: $100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 20 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 17.319.000đ$.

Cộng chung số tiền vay gốc và lãi là: $100.000.000đ + 17.391.600đ = 117.319.000 \text{ đồng}$.

Bà B đã trả góp cho bà L được 27 ngày với số tiền là 54.000.000đồng nên số tiền bà B còn nợ bà L là: $117.319.000đ - 54.000.000đ = 63.319.000 \text{ đồng}$.

Nay bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà L tiền vốn vay và lãi còn nợ là 63.319.000 đồng.

2/ Đối với khoản vay của anh Trần Công Q:

Ngày 22/01/2019 bà Nguyễn Thị Kim L có cho anh Trần Công Q vay 15.000.000đồng, thời gian vay là 02 tháng. Khi vay tiền anh Q có viết giấy mượn nợ và thỏa thuận trả góp mỗi ngày 300.000 đồng trong thời gian 02 tháng. Anh Q đã góp được 18 ngày, với số tiền là 5.400.000đồng, sau đó không góp nữa.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim L có đơn xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện đối với anh Trần Công Q, do anh Q không có mặt tại nơi cư trú, không có văn bản ý kiến, giữa bà L và anh Q chưa gặp nhau để làm rõ nội dung khởi kiện, khi nào làm rõ với anh Q sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 05/02/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 12/10/2018 bà có hỏi tiền góp của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 64.000.000đồng. Khi hỏi mượn tiền góp về, thì bà sử dụng 50.000.000đồng và chia cho con là Trần Công Q 14.000.000đồng, sự việc này bà có cho bà L biết và bà L đồng ý nên bà có ký vào giấy nợ của bà L. Lãi suất 50.000.000 đồng của bà vay góp ra thành 60.000.000 đồng, lãi suất 14.000.000 đồng của Trần Công Q vay góp ra thành 20.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền thì bà có góp cho bà L mỗi ngày 2.000.000đồng và góp liên tục 30 ngày, tiền thì con bà L tên là A đến nhà bà nhận rồi mang về giao cho bà L, có lúc thì bà L đến nhà bà để góp, còn sổ ghi ngày bà góp tiền thì không có. Số tiền vay 50.000.000đồng bà đã góp liên tục đến khoảng tháng 11/2018 thì dứt điểm nhưng do A là con bà L đi góp lần cuối cùng nên bà không gặp bà L để yêu cầu bà L xóa sổ nợ. Hiện tại bà không còn nợ bà L nên đề nghị Tòa án xem xét ý kiến trình bày của bà đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Bị đơn anh Trần Công Q không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Chị là con của bà Nguyễn Thị Kim L, việc mẹ chị cho bà Nguyễn Thị B và anh Trần Công Q vay tiền thì chị có biết. Vào ngày 26/10/2018 mẹ chị có cho bà Nguyễn Thị B vay 100.000.000 đồng có làm biên nhận nợ, sau đó vài ngày bà B điện thoại hỏi vay tiếp 10.000.000 đồng lần vay này bà B không có làm biên nhận cho mẹ chị. Bà B vay tiền của mẹ chị tổng cộng cả hai lần là 110.000.000 đồng, lãi suất vay bao nhiêu thì chị không biết. Từ lúc vay đến nay thì bà B có trả góp cho mẹ chị được 54.000.000 đồng (trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng, góp được 27 ngày), số tiền góp có lần mẹ chị đến nhà bà B nhận, có lần thì chị trực tiếp đến nhà bà B nhận, những lần chị đến nhà bà B nhận tiền thì chị đều mang về và đưa cho mẹ chị ghi sổ để theo dõi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L. Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà L tổng số tiền vốn gốc và lãi là 63.319.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Trần Công Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị B và anh Trần Công Q trả tiền vốn vay và lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn bà Nguyễn Thị B và anh Trần Công Q thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị B, anh Trần Công Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B, anh Q theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho bà L tiền vay gốc và lãi còn nợ là 63.319.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với số tiền vay gốc: Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L thì bà Nguyễn Thị B có vay của bà L 02 khoản tiền:

- Lần 1: vay vào ngày 26/10/2018 số tiền vay 100.000.000 đồng, có Giấy mượn nợ và cam kết thanh toán.

- Lần 2: vay vào ngày 30/10/2018 số tiền vay 10.000.000 đồng, không viết biên nhận nợ.

Do bà B không thừa nhận khoản vay 10.000.000 đồng nên bà L xin rút không yêu cầu đối với số tiền này, chỉ yêu cầu giải quyết đối với số tiền vay 100.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi: thời gian tính lãi từ ngày 26/12/2018 đến ngày 21/9/2020 là 20 tháng 26 ngày, lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là:

$100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 20 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 17.319.000 \text{ đồng.}$

Tổng tiền vay gốc và lãi là:

$100.000.000đ + 17.319.000đ = 117.319.000 \text{ đồng.}$

Bà B đã trả góp cho bà L được 27 ngày với số tiền là 54.000.000 đồng nên bà B còn nợ bà L số tiền:

$117.319.000đ - 54.000.000đ = 63.319.000 \text{ đồng.}$

Vì vậy, bà L yêu cầu bà B trả cho bà L tiền vay gốc và lãi còn nợ là 63.319.000 đồng. Chứng cứ bà L cung cấp là Giấy mượn nợ và cam kết thanh toán ngày 26/10/2018.

Bà Nguyễn Thị B chỉ thừa nhận có hỏi tiền góp của bà L số tiền 64.000.000 đồng, sau khi mượn về thì bà B chỉ sử dụng 50.000.000 đồng và chia cho con của bà là Trần Công Q 14.000.000 đồng. Lãi suất 50.000.000 đồng của bà B vay góp ra thành 60.000.000 đồng, bà đã trả góp cho bà L mỗi ngày 2.000.000 đồng và góp liên tục 30 ngày nên đã thanh toán xong tiền vốn vay và lãi cho bà L. Số tiền góp thì con bà L tên là A đến nhà bà nhận, có lúc thì bà L đến nhà bà nhận.

Xét thấy, việc trình bày của bà B không được bà L và chị A (con bà L) thừa nhận, bà B cũng không có chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở xác định bà B chỉ vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng và đã thanh toán xong tiền vốn vay và lãi cho bà L.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp, xét thấy thì việc bà L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho bà L tiền vay gốc và lãi còn nợ là 63.319.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Đối với khoản vay của anh Trần Công Q:

Ngày 21/9/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Trần Công Q. Xét thấy, việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Trần Công Q là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với bị đơn anh Trần Công Q.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q lý

và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí với lý do là người cao tuổi. Do đó, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

[4]. Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 149, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ban hành ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L tiền vay gốc và lãi còn nợ là 63.319.000đ (sáu mươi ba triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L với bị đơn Trần Công Q.

4. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.300.000 đồng theo biên lai số BH/2018/0007295 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu HS vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thiêm